

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGŨ NGHĨA - NGŨ DỤNG CỦA TÁC TỬ
“CHỈ”, “MỖI” TRONG TIẾNG VIỆTTHE SEMANTICS AND PRAGMATICS
OF “CHỈ”, “MỖI” OPERATORS IN VIETNAMESENGUYỄN THÙY NƯƠNG
(Đại học KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: In this paper, we give the first overview and analysis of *chỉ/mỗi* - “only” operator in Vietnamese. CHỈ/ MỖI operators are discussed across semantic and pragmatic categories. We concentrate in particular on the interpretation of “*chỉ*” and “*mỗi*”, both of which are modality operators, both of which are focus sensitive operators (focus sensitive particles - FSP). This article discusses strategies of expressing “*chỉ/mỗi*” which have low assessment meanings and which are foci-sensitive of the information structure in Vietnamese sentences.

Key words: modality operator; evaluative modality; focus operator; focus-sensitive particles.

1. Đặt vấn đề

Xem xét các câu sau đây:

{1} Mỗi/ chỉ người Việt // mới ăn thịt nhím.

{2} Nam // chỉ mua mỗi cuốn sách văn học thời.

{3} Chỉ (có) Nam // là mua cuốn sách văn học.

{4} Nam // mua cuốn sách văn học chỉ (có) 20 nghìn đồng.

{5} Nam // chỉ tin (có) mỗi anh thôi đấy.

Trong truyền thống của Việt ngữ học, chúng ta vẫn thường gọi “*chỉ/mỗi*” như {1} {2} {3} {4} {5} là các *từ hư*, *từ ngữ pháp* hay *từ công cụ*. Các cách gọi vừa nêu trên đều hướng tới những nét vai trò quan yếu đầu tiên của các từ trên trong tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ khác trên thế giới, đó chính là vai trò là công cụ ngữ pháp điển hình để biểu thị các mối quan hệ ngữ pháp trong câu. Tuy vậy, trong các công trình về ngữ nghĩa - ngữ dụng đương đại về tiếng Việt, nhiều tác giả thế giới và Việt Nam đã đưa ra các kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò của *từ hư* trong tiếng Việt không chỉ dừng lại trên phương diện kết học (*syntactics*) mà còn có các vai trò chức năng quan trọng nhất định trên bình diện nghĩa học (*semantics*) và dụng học (*pragmatics*). Điều này không chỉ chứng minh tính đa diện, đa chức năng của từ hư tiếng Việt mà còn tỏ ra vô cùng tương

thích với tinh thần của lý thuyết tín hiệu học (*semiotics*) khi cho rằng các đơn vị ngôn ngữ với tư cách là một tín hiệu cần phải được nghiên cứu tích hợp từ ba bình diện trên.

Bài viết của chúng tôi sẽ bước đầu phân tích và chứng minh “*chỉ/mỗi*” có vai trò là các tác tử đánh dấu những sắc thái ngữ nghĩa và ngữ dụng nhất định. Theo đó, “*chỉ/mỗi*” là những tác tử tùy biến linh hoạt theo ngữ cảnh và thái độ của người nói, tham gia vào quá trình *tình thái hoá* (*modalisation*) sắc thái nghĩa đánh giá cũng như *tiêu điểm hoá* (*focuslisation*) lượng thông tin quan yếu trong cấu trúc thông tin (*information structure*) của câu tiếng Việt.

2. Ngữ nghĩa - ngữ dụng của tác tử “*chỉ/mỗi*” trong tiếng Việt2.1. Ngữ nghĩa của tác tử “*chỉ/mỗi*” trong tiếng Việt

Chúng tôi xác định “*chỉ/mỗi*” thuộc nhóm từ công cụ biểu đạt nghĩa tình thái đánh giá, cụ thể hơn là “*đánh giá về mức độ, chất, lượng*” của sự vật, hiện tượng. Nguyễn Đức Dân [1984] gọi đây là những tác tử định hướng nghĩa, từ đó tạo ra hướng nghĩa của câu.

Đánh giá về mức độ, chất, lượng: Đây được coi là kiểu loại tình thái đánh giá phổ biến nhất xét trong mối quan hệ giữa người nói đối với nội dung thông báo. Sự đánh giá về lượng cần được

hiều theo phạm trù nghĩa rộng như nhiều ít, hơn kém, xa gần... liên quan trực tiếp tới mức độ xét theo thang độ nói chung. Việc đánh giá về mức độ hay lượng kiểu này là hoàn toàn chủ quan, thể hiện quan điểm của người nói chứ không phụ thuộc vào giá trị đích thực/ chân trị của đối tượng trong thực tế. Điều đặc biệt là khả năng kết hợp cũng như thay thế lẫn nhau rất cao giữa các từ hư thuộc cùng nhóm tình thái đánh giá này.

2.1.1. “**Chỉ**”: Theo Nguyễn Văn Huệ [2003, 46] thì “**chỉ**” là từ quan trọng nhất trong nhóm từ chỉ giới hạn thấp, còn theo Bùi Thanh Hoa [2012, 56-62], thì “**chỉ**” có vị trí linh động nhất (đứng trước và sau vị từ). Kế thừa các nhận định trên, theo chúng tôi, đây là một tác từ đánh dấu nghĩa tình thái đánh giá thuộc nhóm từ hư mang ý nghĩa đánh giá âm tính “**ít, thấp, rẻ, nhẹ, mau, sớm, gần...**”. “**Chỉ**” có khả năng đánh giá phong phú nhất, nó có thể đánh giá âm tính cả những nội dung hữu hình lẫn trừu tượng (khó cân đo đong đếm được).

{6} Bữa cơm // **chỉ** có rau luộc với nước mắm tôm. (-> đánh giá về chất một sự vật - hiện tượng hữu hình dưới mức yêu cầu trung bình.)

{7} Ở trong cái xác to lớn ấy // **chỉ** có một tí ti linh hồn. (Nam Cao) (-> đánh giá về chất một sự vật - hiện tượng trừu tượng ít hơn giá trị/ phạm vi cần có.)

2.1.2. “**Mỗi**” thì khẳng định sự thấp, ít, duy nhất và không thể hơn/ khác của đối tượng. Từ này cũng thuộc nhóm từ hư mang ý nghĩa đánh giá âm tính “**ít, thấp, rẻ, nhẹ, mau, sớm, gần...**” như từ “**chỉ**”. Tuy nhiên, khả năng kết hợp của “**mỗi**” bị hạn chế hơn “**chỉ**” rất nhiều. Trong khi “**chỉ**” là một tác từ tình thái khá linh hoạt cả về nghĩa lẫn vị trí trong câu thì “**mỗi**” không có khả năng kết hợp với vị từ, chính xác là đứng ngay trước vị từ.

{8} Con bé ấy chả được cái nét gì, chỉ được **mỗi** cái chăm chỉ làm điệu.

Con bé ấy chả được cái nét gì, chỉ được cái chăm chỉ **mỗi** làm điệu. (*)

{9} Sáng nay nó làm được **mỗi** hai tiếng đồng hồ.

Sáng nay nó **mỗi** làm được hai tiếng đồng hồ. (*)

2.1.3. *Khả năng kết hợp*: “**Có**” “**Mới**” “**Thôi**” là những từ tác từ có khả năng kết hợp với từ “**chỉ/ mỗi**”. Các tác từ tình thái thuộc cùng một nhóm có khả năng kết hợp, tương tác lẫn nhau để đồng-biểu thị và cùng nhấn mạnh một thang đánh giá. Có thể kể ra các kết hợp tiêu biểu như: **chỉ mỗi, chỉ có, chỉ/ mỗi...thôi, chỉ/ mỗi...mới**.

{10} Nhà này, **chỉ mỗi** (chỉ có) con lớn là được việc. (-> đánh giá cao giá trị người con lớn, từ đó phản đề đánh giá thấp, bác bỏ-chê bai những người con còn lại)

{11} **Chỉ (mỗi)** anh trưởng Phan **mới** lo được mấy việc giỗ chạp, phúng viếng. (-> đánh giá cao vị trí, giá trị, vai trò của người con trưởng trong việc thờ phụng)

2.2. *Ngữ dụng của tác từ “chỉ/ mỗi” trong tiếng Việt*

2.2.1. *Tác từ “nhay” tiêu điểm (Focus-Sensitive Operators)*

Khái niệm tác từ “**nhay**” tiêu điểm được chúng tôi dịch từ thuật ngữ *Focus-Sensitive Operator* hay còn được biết tới với **Focus-Sensitive Particle (FSP)**. Đây là khái niệm quan trọng thuộc địa hạt lí thuyết Cấu trúc thông tin, cấu trúc tiêu điểm trên bình diện ngữ dụng học. Một biểu hiện/ diễn đạt được coi là “**nhay**” tiêu điểm nếu sự thể hiện của nó là “**phụ thuộc**” vào sự bố trí của tiêu điểm. Trong tiếng Anh, tiêu điểm thường được đánh dấu bởi một sự nâng cao độ giọng hay việc nhấn trọng âm. Tính chất “**nhay**” tiêu điểm của một số tác từ được khởi phát bởi một cơ cấu chức năng ngữ pháp, loại này còn gọi là tác từ chức năng tiêu điểm (*focus functional*). Trong khi đó, cũng có những tác từ hình thành từ cơ chế ngữ dụng học. Chúng ta lưu ý rằng, một từ là từ “**nhay**” tiêu điểm nếu ngữ nghĩa của nó bao hàm sự chỉ dẫn thiết yếu tới cấu trúc thông tin của câu chứa nó.

2.2.2. *Phó từ/ Trợ từ tiêu điểm thông tin: Chỉ/ Mỗi*

Theo Daniel Hole [2008, 2013] thì tiếng Việt cũng có một nhóm phó từ “**nhay**” tiêu điểm như

là *thậm chí/ đến* “even”, *cũng/ cả* “also”, *chỉ/ mỗi* “only” để biểu thị tiêu điểm ngữ nghĩa thông tin trong câu. Nguyễn Văn Huệ [2003] và Nguyễn Hồng Côn [2010] còn gọi “*trợ từ tiêu điểm*” khi dịch từ thuật ngữ “*focus particle*”. Trong khi đó, Daniel Hole đã có sự phân biệt hai loại tác tử tiêu điểm (*focus operator*) là phó từ/ trạng từ (*adverb*) và tác tử tạo lập/ đánh dấu tiêu điểm (*focus-constituent-marking*) hay còn là phó từ tiêu điểm (*adfocus* - có vị trí gần tiêu điểm hơn) trong ngữ liệu câu tiếng Việt. Tương đương với tác tử “*only*” trong tiếng Anh chính là hai tác tử *chỉ/ mỗi* trong tiếng Việt. Daniel Hole [2013] cho rằng, **chỉ** là phó từ/ trợ từ như *only* (gọi là ONLY_{adv}), còn **mỗi** là phó từ/ trợ từ tiêu điểm của *only* (gọi là ONLY_{adf}). Xem xét lại trường hợp thí dụ {2} dưới đây:

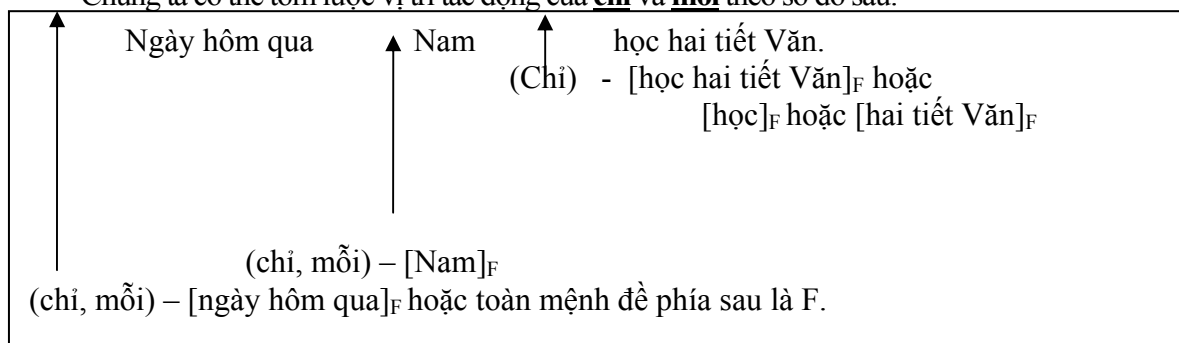
{2} Nam // **chỉ** mua **mỗi** cuốn sách văn học thôi.

-> Nam // **chỉ**_{adv} mua **mỗi**_{adf} [cuốn sách văn học]_F thôi.

(Nam ONLY_{adv} buy ONLY_{adf} [literature book]_F)

Khi phân tích ví dụ trên, chúng tôi nhận thấy rằng **chỉ** với tư cách phó từ nằm trên đường ngoại biên thiết yếu cho phó từ tiêu điểm **mỗi**. Nghĩa là trong một câu có nhiều hơn một tác tử tiêu điểm,

Chúng ta có thể tóm lược vị trí tác động của **chỉ** và **mỗi** theo sơ đồ sau:



Như vậy, chúng tôi thấy có yếu câu ngữ nghĩa nhất định đối với tác tử “*nhảy*” tiêu điểm, đó là có sự gắn bó chặt chẽ với phạm vi cũng như ngữ tiêu điểm của chúng. Trường hợp như {12} thì vị trí của **chỉ** đã đánh dấu một phạm vi cho nó (là ngữ vị từ theo sau), lúc này ngữ tiêu điểm được xác định bởi tiêu điểm mà nó bao chứa. Dạng thức của {13} và {14} cho thấy hai tác tử này đã đánh

thì vai trò tương tác giữa các tác tử tiêu điểm tùy thuộc sự bố trí “gần-xa” so với tiêu điểm thông tin của câu. Càng gần thì càng “nhảy” hay “phụ thuộc” nhiều hơn vào tiêu điểm thông tin.

2.2.3. *Vị trí và tầm tác động của tác tử “chỉ/ mỗi” trong cấu trúc thông tin câu tiếng Việt*

(+) **Vị trí cú pháp của tác tử tiêu điểm “chỉ/ mỗi”:**

Thông thường, vị trí lí tưởng cho tác tử tiêu điểm là ở khoảng giữa câu, sau chủ ngữ và trước vị ngữ. Tuy nhiên, vẫn có những vị trí khác biệt như là ở đầu câu, ngay trước chủ ngữ như trường hợp của {1} và {3} ở trên. Những tác tử tiêu điểm như “**chỉ**” có khả năng nổi vào một vị từ hoặc ngữ vị từ (VP-Verb Phrase) hoặc trong dạng thức một yếu tố cấu thành ngữ tiêu điểm (Focus Phrase - FP). Trong khi đó, tác tử “**mỗi**” chỉ tham gia được vào ngữ tiêu điểm thay vì ngữ vị từ vì không thể đứng trước vị từ.

{12} Nam // **chỉ** [giới thiệu [mẹ Nam]_{FP}]_{VP} với bạn bè của nó.

{13} Nam // [giới thiệu **chỉ** (mỗi) [mẹ Nam]_{FP}]_{VP} với bạn bè của nó.

{14} Nam // [giới thiệu **mỗi** [mẹ Nam]_{FP}]_{VP} với bạn bè của nó.

{15} Nam // **mỗi** [giới thiệu [mẹ Nam]_{FP}]_{VP} với bạn bè của nó. (*)

dấu ngay trước ngữ tiêu điểm. Phạm vi của ngữ tác tử tiêu điểm chính là vị ngữ của cái mà nó là lí lẽ.

(+) **Tầm tác động của tác tử “chỉ/ mỗi” trong cấu trúc thông tin:**

Nguyễn Hồng Côn [2010] đã từng nhận định: “*Trợ từ tiêu điểm*” (*focus particle*) hay *trợ từ nhấn mạnh* là một phương tiện đánh dấu tiêu

điểm thông tin thường gặp trong tiếng Việt... Trong câu, các trợ từ tiêu điểm được dùng để đánh dấu cho các thành tố cú pháp khác nhau được chọn làm tiêu điểm, tạo nên các biến thể cú pháp có trợ từ tiêu điểm”.

(++) Đánh dấu phần ĐỀ/ CHỦ ĐỀ (theme/ topic): Chúng tôi thấy rằng, đây là những câu có tiêu điểm (focus – F) thông tin đứng trước động từ, tức là biến thể cú pháp có tác từ đánh dấu phần ĐỀ, hay ĐỀ là tiêu điểm thông tin còn THUYẾT là cơ sở. Lúc này cần có sự đánh dấu của chỉ, mỗi, hoặc cả hai, nhưng chỉ chấp nhận theo trật tự tuyến tính là *chỉ-mỗi*, chứ không có trật tự *mỗi-chỉ*.

{16} Mỗi_{adv} (mình) [Nam]_F // đi xe đạp tới trường.

{17} Chỉ_{adv} (mình) [Nam]_F // đi xe đạp tới trường.

{18} Chỉ_{adv} mỗi_{adv} (mình) [Nam]_F // đi xe đạp tới trường.

{19} Mỗi_{adv} chỉ_{adv} (mình) [Nam]_F // đi xe đạp tới trường. (*)

(++) Đánh dấu phần THUYẾT/ TIÊU ĐIỂM (rheme/ focus/ comment): Theo chúng tôi, đây là những câu có tiêu điểm (focus – F) thông tin đứng sau chủ từ, tức là biến thể cú pháp có tác từ đánh dấu phần THUYẾT, hay THUYẾT là tiêu điểm thông tin còn ĐỀ là cơ sở. Trường hợp này thì phần THUYẾT của chúng ta có khả năng là các trật tự như sau:

S + Chỉ + V/VP + (thời/mà):

{20} Tớ // [chỉ_{adv} [ngu_F mười lăm phút]_{FP}]_{VP} thôi mà.

{21} Tớ // [chỉ_{adv} [thương]_F cô ấy]_{FP}]_{VP} thôi. (chứ không yêu)

S+ V/VP + mỗi + Obj + (thời/mà):

{21} Anh // [tin tưởng]_V [có mỗi_{adv} [chú]_F]_{FP} thôi đấy.

3. Kết luận: Trên đây, chúng tôi đã bước đầu giới thiệu và trình bày những phân tích, chứng minh vai trò tác từ tình thái và vai trò tác từ tiêu điểm của hai từ công cụ “*chỉ/mỗi*” trong tiếng Việt. Với giới hạn nhất

định của một bài viết, chúng tôi mới tạm dừng lại ở những nhận định sơ bộ về hai mảng giá trị ngữ nghĩa - ngữ dụng của hai tác từ này. Kết luận được rút ra từ bài viết là nhằm hiểu và sử dụng các giá trị phức hợp của các từ hư trong giao tiếp, cũng như khẳng định tính đa diện - đa chức không thể nào khác của các tác từ này trong tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexis Michaud - Marc Brunelle (2014), *Information structure in Asia: Yongning Na (Sino-Tibetan) and Vietnamese (Austroasiatic)*, Oxford Handbook, England.
2. Bùi Thanh Hoa (2012), *Nhóm hư từ tiếng Việt mang ý nghĩa đánh giá “ít”*, T/c Ngôn ngữ, số 1.
3. Daniel Hole (2008), *Even, also and only in Vietnamese*, In *Interdisciplinary Studies on Information Structure*, Vol 11, Postdam University Press, Postdam, Germany .
4. Daniel Hole - Elisabeth Lobel (2013), *Linguistics of Vietnamese*, De Gruyter Mouton, Germany.
5. David Beaver - Brady Clark (2000), *“always” and “only”: Why not all Focus Sensitive Operators are Alike*, Stanford University.
6. Lê Đông (1991), *Ngữ nghĩa - ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: ý nghĩa đánh giá của các hư từ*, T/c Ngôn ngữ, số 2.
7. Nguyễn Hồng Cẩn (2004), *Tiêu điểm tương phản trong câu tiếng Việt*, Kỷ yếu Hội nghị quốc tế ngôn ngữ học liên Á, Hà Nội.
8. Nguyễn Hồng Cẩn (2010), *Cấu trúc thông tin và biến thể cú pháp của câu tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ và Đời sống, số 4.
9. Nguyễn Đức Dân (1984), *Ngữ nghĩa các từ hư: định hướng nghĩa của từ*, T/c Ngôn ngữ, số 2.
10. Nguyễn Đức Dân (1984), *Ngữ nghĩa các từ hư: nghĩa của cặp từ*, T/c Ngôn ngữ, số 4.
11. Nguyễn Văn Huệ (chủ biên) (2003), *Từ điển ngữ pháp tiếng Việt cơ bản*, Nxb ĐHQG-Tp.HCM.